

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TX
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2020/ST-HNGĐ
 Ngày: 31-3-2020
 V/v: tranh chấp hôn nhân và gia
 đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PT

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LAT**

2. Bà **NTH**

- Thư ký phiên tòa: Bà TTHT

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội tham
 gia phiên tòa: Bà ĐTMP-Kiểm sát viên**

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận TX, thành
 phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-
 HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “hôn nhân và gia đình” theo
 Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2020
 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà TTT; Sinh năm 1968; giấy chứng minh nhân dân số
 001168006352 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày
 07.08.2018; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 510 đường TC, phường NTS,
 quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 4 ngõ 53 phố VTP, phường TX Trung, quận TX,
 thành phố Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông HXD, sinh năm 1969; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 01, phường TX Trung, quận TX, thành phố Hà Nội.

Hiện đang thi hành án tại: Đội 36, phân trại 2, trại giam Tân Lập, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, bà TTT có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: xin ly hôn với ông HXD.

Về con: Bà và ông HXD có 02 con chung: HPN, sinh ngày 14.02.1987 và HPH, sinh ngày 11.7.1992. Cả hai con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Bà TTT tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do ông HXD đang chấp hành án tại trại giam XL nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông HXD tại trại giam. Các bên đương sự thống nhất nội dung vụ án như sau:

Bà TTT và ông HXD được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ tháng 2.1986 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, đã có 02 con chung. Sau đó, từ năm 1993 hai bên không còn chung sống với nhau nữa. Tháng 01.2020, bà TTT có đặt vấn đề ly hôn và ông HXD cũng đồng ý và đã có đơn thuận tình ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội nhờ bà Tuyết nộp hộ. Hai bên xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án nhân dân quận TX công nhận thuận tình ly hôn.

Về con: Bà TTT và ông HXD có 02 con chung: HPN, sinh ngày 14.02.1987 và HPH, sinh ngày 11.7.1992. Cả hai con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ

sau:

1- Bản sao Giấy khai sinh của 02 con.

2- Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

3- Bản sao sổ hộ khẩu

4- Bản photo sổ thăm gặp phạm nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận là vợ chồng giữa bà TTT và ông HXD; về án phí: bà TTT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông HXD là bị đơn trong vụ án hiện đang chấp hành án tại trại giam Tân Lập, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bà TTT có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đưa vụ án xét xử nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Bà TTT và ông HXD đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Bà TTT và ông HXD cùng có lời khai thống nhất xác định được hai bên gia đình tổ chức kết hôn tháng 2/1986 và việc kết hôn tự nguyện. Tuy nhiên, hai bên không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung là HPN, sinh ngày 14.02.1987 và HPH, sinh ngày 11.7.1992 và có đăng ký khai sinh. Theo Giấy khai sinh đều ghi tên mẹ là TTT, bố là HXD. Tại thời điểm kết hôn năm 1986, ông HXD chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1959. Quan hệ vợ chồng giữa bà TTT và ông HXD được xác lập trước ngày 03.01.1987. Đến thời điểm xin ly hôn là năm 2020, cả hai đã đủ tuổi kết hôn và không có đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số

35/2000/NQ-QH10 ngày 09.6.2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 200; Tòa án giải quyết theo quy định về ly hôn.

Hai bên xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đã sống mỗi người một nơi và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, việc Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: Bà TTT và ông HXD có 02 con chung.

HPN, sinh ngày 14.02.1987 và HPH, sinh ngày 11.7.1992. Cả hai con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Ông HXD và bà TTT không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà TTT phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà TTT và ông HXD.

2- Về nuôi con chung: bà TTT và ông HXD có 02 con chung:

HPN, sinh ngày 14.02.1987 và HPH, sinh ngày 11.7.1992.

Cả hai con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3- Về chia tài sản: bà TTT và ông HXD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4- Về án phí: Bà TTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00006839 ngày 14.02.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Thi hành án dân sự quận TX;
- Lưu.

PT

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN
DÂN

THẨM PHÁN

HỘI THẨM NHÂN
DÂN

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

